

Số: 425/2021/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 559/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đặng Thương H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 3, phường Thịnh Đ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Ngô Hồng N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Tân Đức, xã Thịnh Đ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 08 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Thương H và chị Ngô Hồng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thương H và chị Ngô Hồng N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Đặng Linh N, sinh ngày 06/11/2014.

Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Linh N cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Đặng Linh N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng tới khi con đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo

quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đặng Thương H nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước chuyển từ tạm ứng án phí sang và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005571 ngày 03/08/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Các đ-ơng sự;
- UBND p. T Đ,
- L- u Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thanh Nhân

